

Số: 51/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an**

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an**

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

“8. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá biển số xe được lựa chọn đăng ký, cấp biển số xe trúng đấu giá tại các cơ quan đăng ký xe trong tỉnh, thành phố nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở, cư trú hoặc tại Phòng Cảnh sát giao thông quản lý biển số xe trúng đấu giá đó.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 như sau:

“9. Tổ chức, cá nhân trong nước được lựa chọn đăng ký xe tại Phòng Cảnh sát giao thông hoặc Công an xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) trong tỉnh, thành phố theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Phòng Cảnh sát giao thông đăng ký xe ô tô, romoóc, sơ mi romoóc, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, các loại xe có kết cấu tương tự xe ô tô (sau đây gọi chung là xe ô tô), xe mô tô, xe gắn

máy và các loại xe có kết cấu tương tự xe mô tô (sau đây gọi chung là xe mô tô) và xe máy chuyên dùng của tổ chức, cá nhân có trụ sở, cư trú trong tỉnh, thành phố (trừ các loại xe quy định tại khoản 1 Điều này);

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. Công an cấp xã đăng ký xe ô tô, xe máy chuyên dùng, xe mô tô của tổ chức, cá nhân trong nước có trụ sở, cư trú trong tỉnh, thành phố (trừ xe có nguồn gốc tịch thu và các loại xe quy định tại khoản 1 Điều này).”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Căn cứ tình hình thực tế, tính chất địa bàn, cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố thống nhất với Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông quyết định tổ chức điểm đăng ký của Phòng Cảnh sát giao thông và việc đăng ký xe ô tô, xe máy chuyên dùng của Công an cấp xã”.

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp” tại điểm a khoản 5 Điều 37, điểm 2.1.2 Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Thay thế Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an bằng Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại khoản 2 Điều 40 Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Bỏ cụm từ “trực thuộc TW”, “trực thuộc Trung ương” tại các mẫu ĐKX07/79, ĐKX08/79, ĐKX09/79 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an.

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

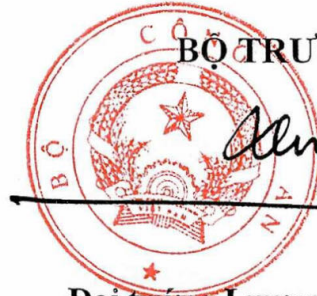
2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn.

**Nơi nhận:**

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, C08.

**BỘ TRƯỞNG****Đại tướng Lương Tam Quang**

**Phụ lục số 02**

**KÝ HIỆU BIỂN SỐ XE Ô TÔ, XE MÔ TÔ, XE MÁY  
CHUYÊN DÙNG TRONG NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2025/TT-BCA ngày 30/06/2025 của  
Bộ trưởng Bộ Công an)*

| <b>STT</b> | <b>Tên địa phương</b>   | <b>Ký hiệu</b>            |
|------------|-------------------------|---------------------------|
| 1          | An Giang                | 67, 68                    |
| 2          | Bắc Ninh                | 98, 99                    |
| 3          | Cà Mau                  | 69, 94                    |
| 4          | Cần Thơ                 | 65, 83, 95                |
| 5          | Cao Bằng                | 11                        |
| 6          | Đà Nẵng                 | 43, 92                    |
| 7          | Đắk Lắk                 | 47, 78                    |
| 8          | Điện Biên               | 27                        |
| 9          | Đồng Nai                | 39, 60, 93                |
| 10         | Đồng Tháp               | 63, 66                    |
| 11         | Gia Lai                 | 77, 81                    |
| 12         | Hà Nội                  | 29, 30 đến 33, 40         |
| 13         | Hà Tĩnh                 | 38                        |
| 14         | Hải Phòng               | 15, 16, 34                |
| 15         | Hung Yên                | 17, 89                    |
| 16         | Khánh Hoà               | 79, 85                    |
| 16         | Lai Châu                | 25                        |
| 18         | Lâm Đồng                | 48, 49 , 86               |
| 19         | Lạng Sơn                | 12                        |
| 20         | Lào Cai                 | 21, 24                    |
| 21         | Nghệ An                 | 37                        |
| 22         | Ninh Bình               | 18, 35, 90                |
| 23         | Phú Thọ                 | 19, 28, 88                |
| 24         | Quảng Ngãi              | 76, 82                    |
| 25         | Quảng Ninh              | 14                        |
| 26         | Quảng Trị               | 73, 74                    |
| 27         | Sơn La                  | 26                        |
| 28         | Tây Ninh                | 62, 70                    |
| 29         | Thái Nguyên             | 20, 97                    |
| 30         | Thanh Hoá               | 36                        |
| 31         | Huế                     | 75                        |
| 32         | TP. Hồ Chí Minh         | 41; 50, 51 đến 59; 61, 72 |
| 33         | Tuyên Quang             | 22, 23                    |
| 34         | Vĩnh Long               | 64, 71, 84                |
| 35         | Cục Cảnh sát giao thông | 80                        |